

ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN NỀN GIÁO DỤC CẦN XUẤT PHÁT TỪ ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VÀ TƯ DUY QUẢN LÝ

ThS. MAI THỊ ANH*

1. Sự cần thiết phải đổi mới nhận thức và tư duy quản lý giáo dục (QLGD)

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI khẳng định: "Phát triển giáo dục (GD) là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện nền GD Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế. Trong đó, đổi mới cơ chế QLGD, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ QLGD là khâu then chốt". Thông báo hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) cũng khẳng định: "Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước, của toàn dân và là quốc sách hàng đầu... Mục tiêu cốt lõi của GD-ĐT là hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực con người Việt Nam. Phải đổi mới mạnh mẽ sâu sắc nhận thức và tư duy về GD-ĐT". Dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ năm 1950 đến nay, GD đã tiến hành ba lần cải cách: lần thứ nhất năm 1950; lần thứ hai năm 1956; lần thứ ba năm 1981. Các cuộc cải cách cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới của đất nước trong từng giai đoạn phát triển. Đặc biệt là từ khi BCHTW Đảng khóa VIII ban hành Nghị quyết TW2 về định hướng chiến lược phát triển GD-ĐT trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) và nhiệm vụ đến năm 2000. Trong những năm qua GD đã có nhiều chuyển biến tích cực, song vẫn còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém ảnh hưởng đến phát triển chung của sự nghiệp GD trước yêu cầu đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế: Cơ chế quản lý (QL) hành chính, tập trung, bao cấp nặng về kiểm soát chỉ huy, không gắn với nhu cầu thị trường lao động và thực tiễn của đất nước; chưa thấy hết được đặc thù kinh tế - xã hội của các địa phương. Quản lý nhà nước (QLNN) về GD phân tán, thiếu tính thống nhất, chưa tạo điều kiện để phát huy hết quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở GD. Đây là một trong những nguyên nhân làm nảy sinh yếu kém, bất cập trong QL hệ thống GD quốc dân.

Chính phủ đã có Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 quy định trách nhiệm QLNN về GD,

nhưng một số địa phương vẫn còn những quy định rất khác nhau về trách nhiệm trong QL, không đúng với quy định của Chính phủ, dẫn tới làm giảm hiệu lực QLNN về GD. Tư duy QLGD chậm đổi mới, cơ chế QL không đồng bộ, thiếu tính thống nhất; chất lượng không đi đôi với quyền hạn trách nhiệm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của sự nghiệp GD và yêu cầu thực tiễn. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ (CB) QL chưa được đào tạo (ĐT), bồi dưỡng bài bản; khoa học QL chưa dự báo và đề xuất được những vấn đề quan trọng trước mắt cũng như lâu dài để khắc phục hạn chế, yếu kém trong GD. Mặt khác, nhiều cơ sở GD chưa ý thức đúng về tự chủ, chưa nhận thức đầy đủ việc tự chủ phải đi đôi với việc tự chịu trách nhiệm, bao gồm: trách nhiệm trước pháp luật, trách nhiệm trước xã hội, trách nhiệm trước người học; chưa công khai minh bạch các nguồn lực và chất lượng GD một cách thực chất, cơ chế cấp phát tài chính còn mang nặng tính bình quân bao cấp...

Những hạn chế, bất cập nêu trên cần được giải quyết dứt điểm để bảo đảm tính thống nhất, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong đổi mới căn bản, toàn diện nền GD.

2. Đổi mới nhận thức và tư duy QLGD hiện nay

1) Về cơ chế QLGD. Đổi mới cơ chế QLGD từ Trung ương tới địa phương, tăng tính dân chủ và tính pháp quyền trong QLNN về GD; chuyển đổi phương thức QL chỉ huy, kiểm soát số lượng sang QL chất lượng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo tính thống nhất để nâng cao hiệu lực QL; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm thực chất cho các cơ sở GD về việc thực hiện nhiệm vụ; tạo môi trường bình đẳng để các cơ sở GD có đủ điều kiện cung cấp những dịch vụ GD tốt nhất cho người học và xã hội.

Tách QLNN với QL sự nghiệp, Bộ GD-ĐT không làm thay công việc QL chuyên môn của các cơ sở GD; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cấp QL

* Vụ pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo

từ Trung ương đến địa phương; giữa Bộ ngành và địa phương đối với các cơ sở GD; đổi mới cơ chế QL theo hướng tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở GD. Trên cơ sở khả năng, năng lực QL để xác định mức độ và bước phát triển của các cơ sở GD. Nhà nước giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở GD công lập đồng bộ về tổ chức và nhiệm vụ; thực hiện lộ trình xóa bỏ bao cấp, chuyển cơ chế cấp phát kinh phí sang hình thức đặt hàng, trên cơ sở định mức kĩ thuật và tiêu chí của từng loại hình dịch vụ để các cơ sở GD tự chủ về tài chính; thực hiện minh bạch trong các hoạt động liên doanh liên kết, khắc phục tình trạng riêng tư lẫn lộn; đổi mới QL tài chính theo hướng bảo đảm quyền lợi người lao động, có tích lũy để tái đầu tư cơ sở vật chất của các cơ sở GD.

Phân cấp triệt để trong QL, Bộ GD-ĐT chịu trách nhiệm trước Chính phủ QLNN về GD. Các Bộ, ngành theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Bộ GD-ĐT hoàn thiện thể chế QLNN về GD theo sự phân cấp của Thủ tướng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý những sai phạm của các cơ sở GD trong việc tuân thủ pháp luật.

UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc chịu trách nhiệm phát triển GD trên địa bàn theo thẩm quyền, theo sự phân cấp của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Bộ GD-ĐT; xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển GD của địa phương; chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án của địa phương.

2) Về nội dung chương trình, phương thức ĐT. Trên cơ sở nghiên cứu rà soát lại toàn bộ nội dung chương trình hiện hành để đánh giá lại những mặt mạnh, mặt yếu hiện nay: nội dung chương trình dạy học cần giảm lí thuyết, tăng thực hành; thay đổi phương pháp dạy học thụ động sang phương pháp dạy học tích cực theo hướng phát huy khả năng người học. Chú trọng chất lượng nhưng không chạy theo thành tích, chạy theo bằng cấp. Đổi mới phương thức ĐT gắn chặt với đời sống kinh tế, nhu cầu xã hội, thị trường lao động trong nước, khu vực và thế giới; chú trọng GD kĩ năng sống, phát huy tính sáng tạo, năng lực thực hành của học sinh, sinh viên. Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của người học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học; phối hợp với phụ huynh đánh giá kết quả

học tập của học sinh, tạo sự đồng thuận giữa nhà trường, gia đình, xã hội; xây dựng hệ thống kiểm định chất lượng gắn với giám sát của cơ quan QLGD; thực hiện định kì đánh giá quốc gia về mặt bằng chất lượng.

3) Về xã hội hóa GD. Thực hiện xã hội hóa GD theo thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, làm tốt vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm an sinh xã hội, hướng tới việc cung cấp dịch vụ GD cho mọi tầng lớp nhân dân. Nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong việc xây dựng cơ sở vật chất cho GD công lập; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển dịch vụ GD dưới sự giám sát của nhà nước; tạo cơ hội cho các cơ sở GD công lập và ngoài công lập phát triển bình đẳng.

Tăng cường năng lực quản trị của các cơ sở GD để các cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước xã hội, trước người học về đảm bảo chất lượng GD, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh xã hội hóa GD, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền và xã hội về xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời cho mỗi người dân.

4) Về QLNN đối với GD. Căn cứ *Hiến pháp năm 1992; Luật GD năm 2005; Luật GD đại học năm 2012; Chiến lược phát triển GD 2011-2020.* Các cơ sở GD, các địa phương xây dựng Kế hoạch để triển khai thực hiện các nhiệm vụ: cải cách hành chính trong QLNN về GD; công khai minh bạch tất cả các thủ tục qua website, qua bộ phận "một cửa" và các hình thức công khai khác của cơ quan QLGD; xây dựng cơ chế công khai hóa các thông tin về hoạt động GD-ĐT, đảm bảo sự giám sát của cơ quan nhà nước, của các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân.

Đổi mới phương thức QLGD; xây dựng đội ngũ nhà giáo, CBQL có tầm nhìn và khả năng thích ứng với điều kiện đổi mới theo đề án ĐT, ĐT lại, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, CBQL đến năm 2020; chọn CB, giáo viên, giảng viên giỏi cử đi ĐT trong nước và nước ngoài để học tập kinh nghiệm tiên tiến về QLGD, tạo thể chủ động trong quá trình hội nhập; có chính sách thu hút trí thức Việt kiều, các nhà khoa học trên thế giới đến Việt Nam tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học; mở rộng quy mô học sinh, sinh viên nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại Việt Nam, đa dạng hóa phương thức học tập đáp ứng nhu cầu nhân lực cho đất nước, khu vực và quốc tế; khuyến khích các cơ sở GD trong nước hợp tác với các cơ sở

(Xem tiếp trang 16)

(giải pháp đột phá); mở rộng hợp tác trong và ngoài nước (trước hết với các nước trong khu vực ASEAN và châu Á - Thái Bình Dương) trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; xây dựng đội ngũ giảng viên nhà trường đạt chuẩn trình độ 100% thạc sĩ, trong đó ít nhất có 25% giảng viên đạt trình độ tiến sĩ vào năm 2020 (giải pháp then chốt); tích cực và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án xây dựng cơ sở trường học mới và trang thiết bị hiện đại, đồng bộ; tiếp tục đẩy mạnh quá trình đổi mới phương pháp phát triển chương trình đào tạo, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá kết quả người học theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa; thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo chất lượng và xác định lộ trình để sớm kiểm định chất lượng GD các chương trình đào tạo và chất lượng GD đại học của nhà trường.

Có thể nói, Nhà nước chính là "chủ thể QL" trong công việc QLNN đối với GD. Kết quả hoạt động của GD có đạt hiệu quả hay không, phần lớn phụ thuộc vào vai trò của Nhà nước có làm tốt hay không các chức năng QLNN đối với hoạt động GD ở mọi cấp, từ trung ương đến các cơ sở GD. □

Đổi mới căn bản, toàn diện...

(Tiếp theo trang 11)

GD nước ngoài để nâng cao năng lực QL, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, ĐT bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD các cấp theo yêu cầu đổi mới.

3. Đổi mới căn bản, toàn diện nền GD, cần cơ cấu lại hệ thống GD quốc dân, cùng với sự đổi mới nhận thức và tư duy QL từ cấp Trung ương đến địa phương. Chính phủ cần phân cấp triệt để về QLGD, tách QLNN với QL sự nghiệp; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý những sai phạm trong việc tuân thủ các quy phạm pháp luật; thực hiện lộ trình đổi mới nội dung chương trình, phương thức ĐT; đẩy mạnh xã hội hóa GD, khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư phát triển GD; chú trọng xây dựng đội ngũ CBQL, đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền GD. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI; Thông báo hội nghị Trung ương 6 (khóa XI); Chiến lược phát triển GD 2011-2020 thể hiện rõ yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền GD nước nhà: Đòi hỏi ngành GD-ĐT phải mạnh dạn đổi mới tư duy, đột phá trong QL để

(1) Bùi Minh Hiền - Vũ Ngọc Hải - Đặng Quốc Bảo. **Quản lý giáo dục**. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2006.

(2) Đặng Xuân Hải. **Vai trò nhà nước trong quản lý giáo dục**. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2006.

(3), (4), (5) Thủ tướng Chính phủ. **Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020** (Quyết định số 711/QĐ-TTg, ngày 13/6/2012).

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Thành Nghị. **Quản lý chất lượng giáo dục đại học**. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2000.

2. Phạm Thành Nghị. **Quản lý chiến lược, kế hoạch trong các trường đại học và cao đẳng**. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2000.

SUMMARY

This article proposes an approach to understand the Education Development Strategy in the 2011-2020 period from the view of education administrators. On this basis, it puts forward major tasks that local educational institutions/universities should promptly perform for the successful implementation of this Strategy.

đáp ứng yêu cầu công cuộc CNH, HĐH đất nước trong giai đoạn hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ. Chỉ thị số 296/CT-TTg, ngày 27/02/2010 về **Đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012**.

2. Chính phủ. Nghị định số 115/2010/NĐ-CP, ngày 24/12/2010 về **Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục**.

3. Chính phủ. Quyết định số 711/QĐ-TTg, ngày 13/06/2012 về **Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020**.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam. **Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI**. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2011

5. **Thông báo Hội nghị Trung ương 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI**, ngày 15/11/2012.

SUMMARY

Innovation awareness and education management thinking should concentrate: innovating management mechanism; innovating curriculum content and training methods; strengthening social education; enhancing the effectiveness of state management on education. These four contents impact positively on innovating basic and comprehensive school education.